

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **452/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 25 tháng 8 năm 2020
V/v: *Tranh chấp về ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Uông Thị Hoa**

2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2020/TLST – HN&GD ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Minh Q**, sinh năm 1981; Hộ khẩu thường trú: 108 B2 T, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và nơi cư trú: 202 N, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Chị Q có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Đình Văn T**, sinh năm 1973; Hộ khẩu thường trú: 108 B2 T, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Dương Thị Minh Q trình bày:**

- **Về tình cảm:** Chị và anh Đình Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 01 năm 2004 tại UBND phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi ly hôn vợ chồng về chung sống tại 108 B2 T, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất

đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên đã giảng hòa nhưng không có kết quả. Khi mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm và gặp gỡ nhau. Nay chị xác nhận không còn tình cảm với Anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thắng.

- **Về con chung:** Chị và Anh T có hai con chung là cháu Đinh Dương M , sinh ngày 12 tháng 8 năm 2005 và cháu Đinh Dương S , sinh ngày 12 tháng 8 năm 2007. Chị tôn trọng ý kiến của các cháu và đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh chị mỗi người chăm sóc, nuôi dưỡng một cháu theo đúng nguyện vọng của các cháu. Anh T xin nuôi cả hai con chị không đồng ý. Về phần cấp dưỡng nuôi con chị không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Anh T trình bày chị có vấn đề về mặt nhân cách và đạo đức, chị hoàn toàn không phải là người như vậy. Chị có sức khỏe bình thường, chị vẫn đi làm công tác nhà nước và cơ quan chị tổ chức khám sức khỏe cho công nhân viên chức theo định kỳ 6 tháng/lần. Hiện nay chị đang làm việc tại Đại học Quốc gia Hà Nội, thu nhập hàng tháng của chị khoảng 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng và đủ điều kiện để nuôi con. Hiện nay các cháu đều đang học tập tại trường Hà Nội Amstecdam, chị là người trực tiếp đóng tiền học và tiền chi tiêu của các cháu. Chị khẳng định chị có đầy đủ nhân cách và đạo đức cũng như về kinh tế để nuôi dạy các con chị.

- **Về tài sản chung (động sản, bất động sản):** Chị xin tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị tự lo về chỗ ở không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

Đối với nhà đất tại số nhà 5, ngõ 1 đường A , phường Q , quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội không có liên quan đến vợ chồng chị. Chị cũng không có giấy tờ, tài liệu liên quan đến nhà đất trên để nộp cho Tòa án.

Nhà đất tại địa chỉ: P402B tập thể T; phố Lý Văn Phúc, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Nhà đất này được mua bán vào năm 2018 và hiện nay đã được sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà mang tên ông Đinh Văn T và chị Dương Thị Minh Q. Đây là tài sản chung vợ chồng chị cũng đề nghị được tự thỏa thuận.

+ Động sản:

Hồ sơ sổ tiết kiệm tài khoản và ghi chép tài chính gia đình, tất cả các sổ tiết kiệm đã tất toán tại ngân hàng;

02 chiếc ô tô gồm: 01 xe ô tô BMW BKS: 30M-7XXX không đứng tên chị và gia đình cũng bán lại từ lâu; 01 xe ô tô Kia BKS: 30F-2XXX đứng tên chị nhưng gia đình cũng đã bán từ lâu.

- **Về các khoản vay nợ:** Chị xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Chị không có yêu cầu hay đề nghị gì khác.

*** Bị đơn: Anh Đinh Văn T trình bày:**

- **Về tình cảm:** Anh đồng ý với Chị Q về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn như Chị Q trình bày. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại 108 B2 T, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong quá trình vợ chồng chung sống, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình đã giảng hòa cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Khi mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Hiện nay anh không còn tình cảm với chị Quy, nay Chị Q xin ly hôn anh, anh chưa có ý kiến. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Về con chung:** Anh và Chị Q có hai con chung là cháu Đinh Dương Minh, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2005 và cháu Đinh Dương Sơn, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2007. Anh tôn trọng ý kiến của các cháu. Tuy nhiên anh thấy Chị Q không đủ điều kiện để nuôi con. Chị Q có vấn đề về mặt nhân cách và đạo đức. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả hai con. Nếu trường hợp Tòa án giao cả hai con cho anh nuôi thì anh cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nếu trường hợp Tòa án giao cho anh và Chị Q mỗi người nuôi dưỡng một cháu theo nguyện vọng của các cháu thì anh cũng không có yêu cầu gì về phần cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, thu nhập hàng tháng của anh khoảng 20.000.000 đồng (bao gồm 17.000.000 đồng tiền cho thuê nhà và 4.000.000 đồng anh cho thuê bằng Duyệt), với thu nhập trên để nuôi hai con thì anh cũng gặp khó khăn nhưng anh sẽ cố gắng.

- **Về tài sản chung (động sản, bất động sản):**

+ Bất động sản:

Đối với nhà đất tại số nhà 5, ngõ 1 đường A, phường Q, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội đây là đất nông nghiệp đã xây dựng nhà trên đất và Chị Q đang cho người khác thuê (anh không biết người thuê là ai) với giá 10.000.000 đồng/tháng. Nhà đất trên là do vợ chồng mua bán viết tay của anh Dũng ở phố Thụy Khuê và cô Hằng ở Đường Láng nhưng anh không nhớ rõ địa chỉ của những người này. Giấy tờ mua bán Chị Q cầm và Chị Q nói với anh giấy tờ mua bán trên Chị Q đã làm mất, việc mua bán trên là viết tay không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Nhà đất tại địa chỉ: P402B tập thể T, phố Lý Văn Phúc, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Nhà đất này được mua bán vào năm 2018 và hiện nay đã được sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà mang tên ông Đinh Văn T và chị Dương Thị Minh Q.

+ **Động sản:** Hồ sơ sổ tiết kiệm tài khoản và ghi chép tài chính gia đình anh đã nộp cho Tòa án bản photocopy, tất cả các sổ tiết kiệm này đã tắt toán tại ngân hàng;

02 chiếc ô tô gồm: 01 xe ô tô BMW BKS: 30M-7XXX đứng tên chị Dương Thị Minh Q; 01 xe ô tô Kia BKS: 30F-2XXX đứng tên chị Dương Thị Minh Q.

Trên đây là trình bày của anh về tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung vợ chồng. Anh sẽ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn anh tự lo về chỗ ở không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- **Về công nợ:** Anh T sẽ yêu cầu khởi kiện về các khoản nợ chung vợ chồng bằng một vụ án khác sau khi ly hôn.

- **Về án phí:** Chị Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh đồng ý.

Ngoài ra anh không có yêu cầu hay đề nghị gì khác.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Tuy nhiên, các đương sự không thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án. Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Chuyển thông báo thụ lý vụ án, các quyết định đến Viện kiểm sát và các tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; Điều 191; Điều 195; Điều 196; Điều 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Thực hiện nguyên tắc hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 1 Điều 205; khoản 2 Điều 207; khoản 2 Điều 208; Điều 209; Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCNVN.

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian chuẩn bị xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định tại Điều 63; Điều 227; 228 và chương II Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51; Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 199; Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 42; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 63; khoản 4 Điều 70; khoản 1 Điều 71; khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Minh Q; Về con chung: Giao con chung là cháu Đinh Dương Minh, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2005 cho anh Đinh Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Đinh Dương Sơn, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2007 cho chị Dương Thị Minh Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung và nhà ở: Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi chị Quy, Anh T khi có yêu cầu. Về vay nợ: Chị Quy, Anh T xác nhận không có vay nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét. Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị Minh Q và anh Đinh Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Đinh Văn T là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại 108 B2 T, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Minh Q và anh Đinh Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng

01 năm 2004 tại UBND phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Chị Quy, Anh T xác nhận trong quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình đã giảng hòa cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Khi mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thắng.

Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của đại diện tổ dân phố, ông Đoàn Xuân Chiến- là tổ trưởng tổ dân phố số 12 phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội nơi Chị Q và Anh T sinh sống cho biết: Chị Dương Thị Minh Q và anh Đinh Văn T đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 01 năm 2004 tại UBND phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại 108 B2 T, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong quá trình vợ chồng chung sống tại đây có xảy ra mâu thuẫn hay không, tổ dân phố không nắm được do vợ chồng không có thông báo về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng cho tổ dân phố biết. Nay Chị Q xin ly hôn anh Thắng, tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Đinh Dương Minh, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2006 và cháu Đinh Dương Sơn, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2007. Khi anh chị ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và vay nợ của Anh T chị Quy: tổ dân phố không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Dương Thị Minh Q và anh Đinh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Chị Quy, Anh T xác nhận trong quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình đã giảng hòa cho vợ chồng và bản thân anh chị cũng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Tuy Anh T không đưa ra quan điểm về việc Chị Q xin ly hôn với anh nhưng Anh T xác định không còn tình cảm với chị Quy. Khi mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị Dương Thị Minh Q và anh Đinh Văn T là phù hợp.

- Về con chung: Anh T và Chị Q có hai con chung là cháu Đinh Dương Minh, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2005 và cháu Đinh Dương Sơn, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2007. Khi ly hôn Chị Q đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh chị mỗi người nuôi một cháu theo đúng nguyện vọng của các cháu. Anh T đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con mặc dù anh trình bày hiện nay thu nhập

của anh không ổn định và khó khăn nếu nuôi cả hai con. Tại đơn đề nghị của cháu Minh có nguyện vọng được ở với bố và đơn đề nghị của cháu Sơn có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy việc giao con chung là cháu Đinh Dương Minh cho Anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đinh Dương Sơn cho Chị Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu Minh, cháu Sơn và cũng phù hợp với quy định pháp luật nên cần được chấp nhận. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Q xin tự thỏa thuận về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung vợ chồng. Anh sẽ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác sau khi ly hôn. Vì vậy, Tòa án không có căn cứ để xem xét giải quyết. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi chị Quy, Anh T có yêu cầu về việc chia tài sản chung.

Về khoản nợ: Chị Q xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T sẽ yêu cầu khởi kiện về các khoản nợ chung vợ chồng bằng một vụ án khác sau khi ly hôn. Vì vậy, dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi chị Quy, Anh T có yêu cầu về khoản vay nợ.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị Minh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Chị Dương Thị Minh Q và anh Đinh Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng các Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 70; khoản 4 Điều 147; các Điều 203; 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **Dương Thị Minh Q.**

Chị **Dương Thị Minh Q được ly hôn với anh **Đinh Văn T.****

2. Về con chung:

Giao con chung là Đình Dương Minh, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2005 cho anh Đình Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Đình Dương Sơn, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2007 cho anh Đình Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Dương Thị Minh Q và anh Đình Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi chị Quy, Anh T có yêu cầu về việc chia tài sản chung.

Về khoản nợ: Chị Dương Thị Minh Q xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi Anh T có yêu cầu về các khoản nợ.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị Minh Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024423 ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Dương Thị Minh Q, anh Đình Văn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi Cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

